

Gia đình cùng giới: Hiện thực xã hội và một số vấn đề lý luận cơ bản

Phạm Quỳnh Phương

Viện Nghiên cứu Văn hóa

Tóm tắt: Với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh vì quyền bình đẳng của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) trên thế giới, chỉ trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI đã có 22 quốc gia trên thế giới công nhận hôn nhân cùng giới. Sự công khai các mối quan hệ gắn bó trước công luận một mặt thể hiện sự thay đổi trong nhận thức xã hội, mặt khác cũng đặt ra những vấn đề lý luận mới về gia đình. Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề cơ bản về mặt lý luận và thực tiễn hôn nhân gia đình cùng giới ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng gia đình đồng giới, dù được luật pháp thừa nhận hay không, cũng đang là một hiện trạng xã hội cần phải quan tâm và đa dạng hoá loại hình gia đình là một xu thế tất yếu trong đời sống xã hội hiện nay⁽¹⁾.

Từ khóa: Hôn nhân - Gia đình; Gia đình cùng giới; Hôn nhân cùng giới; Quyền con người; LGBT; Kỳ thị.

Với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào LGBT thế giới, chỉ trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI đã có 22 quốc gia trên thế giới công nhận hôn nhân cùng giới⁽²⁾. Cũng trong xu thế chung trên thế giới, Việt Nam đã hai lần bỏ phiếu (năm 2014 và 2016) ủng hộ cho nghị quyết của Liên Hợp Quốc về chống kỳ thị với người LGBT. Năm 2014, Quốc hội Việt Nam

thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình, loại điều khoản “cấm” hôn nhân cùng giới, thay bằng việc “không thừa nhận”, đồng thời bỏ đi các qui định hướng dẫn về việc xử phạt kết hôn cùng giới. Các trang báo viết và báo mạng gần đây cũng liên tiếp đưa tin về những đám cưới đồng tính tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cà Mau, Kiên Giang, Vĩnh Long, Bình Dương... Sự công khai các mối quan hệ gắn bó trước công luận một mặt thể hiện sự thay đổi trong nhận thức xã hội, mặt khác cũng đặt ra những vấn đề lý luận mới về gia đình.

Nhìn chung, trên thế giới, ngoài hôn nhân được nhà nước công nhận chính thức, thì còn tồn tại rất nhiều các chế định khác nhau liên quan đến các mối quan hệ tương tự như hôn nhân hoặc ở mức thấp hơn: chẳng hạn như quan hệ gia đình (domestic partnership), kết đôi có đăng ký (registered partnership), kết hợp dân sự (civil union), v.v. Cùng với nhiều dạng thức gia đình mới, gia đình cùng giới⁽³⁾ đã góp thêm tiếng nói vào việc đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải xem xét lại nội hàm của khái niệm “Gia đình” - một khái niệm vốn được coi là lỏng lẻo nhất trong hệ thống tự vựng xã hội học ngay từ thập kỷ 90 của thế kỷ trước. Đã có ý kiến đề nghị phân tách làm hai hướng tiếp cận khái niệm này: một hướng định nghĩa để tiện quản lý (và cũng để giới hạn các chính sách an sinh xã hội) và một hướng tiếp cận để nghiên cứu. Để quản lý, người ta thường dùng định nghĩa năm tiêu chí truyền thống, trong đó có tiêu chí có quan hệ giới tính trong hôn nhân và loại bỏ tất cả những nhóm không đạt quy định (có nhà nghiên cứu còn cho rằng các cuộc hôn nhân chưa có con cái cũng không phải là gia đình). Hướng tiếp cận nghiên cứu bám sát thực tế xã hội hơn, “nhà nghiên cứu không chỉ nghiên cứu một loại gia đình đáp ứng các tiêu chí của định nghĩa mà phải nghiên cứu các loại gia đình khác đang tồn tại trong cuộc sống” (Lê Ngọc Văn, 2011). Trong bức tranh tổng thể đa dạng của gia đình Việt Nam đương đại, vì thế, gia đình đồng tính là một mảng màu không thể bỏ qua. Bài viết này một mặt khẳng định gia đình đồng giới, dù được luật pháp thừa nhận hay không, cũng đang là một hiện trạng xã hội cần phải quan tâm. Mặt khác, bài viết cũng chỉ ra rằng đa dạng hoá loại hình gia đình là một xu thế tất yếu trong đời sống xã hội, do đó những diễn ngôn văn hoá hay đạo đức để cản trở quyền được gắn bó của những người cùng giới, là đang đi ngược chiều với việc tôn trọng và bảo vệ nhân quyền trong xã hội hiện nay.

1. Gia đình cùng giới - một hiện thực xã hội

Không có một con số thống kê đầy đủ nào về số lượng các gia đình cùng giới ở Việt Nam (những mối quan hệ sống chung dựa trên tình yêu và tình dục). Chúng ta chỉ có thể dựa vào những kết quả khảo sát trực

tuyến đối với cộng đồng LGBT do các tổ chức phi chính phủ tiến hành, chủ yếu là những công bố của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và Trung tâm ICS - một tổ chức của cộng đồng người LGBT. Một khảo sát của Viện iSEE với những người nữ yêu nữ cho biết trong số 2401 người trả lời, có 92% mong muốn pháp luật cho phép kết hôn cùng giới, và 77% khẳng định họ sẽ kết hôn nếu được pháp luật cho phép (iSEE, 2013a). Trong một khảo sát khác năm 2013 về thực trạng của các mối quan hệ đồng giới ở Việt Nam cho kết quả trong số gần 3000 người truy cập vào đường dẫn điều tra trực tuyến, có 11% đang trong mối quan hệ cùng giới. Họ sống chung với nhau tại nhà của một trong hai người, hoặc cùng nhau thuê nhà sống riêng, và 5,6% các cặp đôi hiện đang ở cùng gia đình của một bên nào đó. Lý do tạo dựng một cuộc sống gia đình bằng cách sống chung được nhắc tới gồm: để hỗ trợ lẫn nhau về tinh thần, tình cảm, tạo cảm giác cuộc sống an toàn (87,5%), thể hiện tình yêu và cam kết chung thủy (81%), bắt đầu những cam kết ổn định lâu dài như con cái, tài sản, tuổi già (70%) (iSEE, 2013b).

Những kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu của các nhóm nghiên cứu đều cho thấy những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống gia đình của cặp đôi cùng giới (như chia sẻ trách nhiệm cuộc sống về kinh tế, việc nhà, tình cảm, trách nhiệm với gia đình hai bên...) khá tương đồng với đời sống gia đình của các cặp dị tính. Gần 29% các cặp đôi cùng giới ở độ tuổi kết hôn sở hữu chung các tài sản có giá trị lớn (ô tô, sổ tiết kiệm, vàng), 15,8% cùng sở hữu nhà đất. Về quan hệ tình cảm và con cái, có đến 84% muốn có con để gắn kết hơn cuộc sống lứa đôi, và 81,1% muốn có con vì thấy đủ tự tin để nuôi dưỡng và giáo dục con tốt. Tuy nhiên, khác với các gia đình dị tính, các cặp đôi cùng giới gặp nhiều vấn đề hơn, mà theo tự nhận định của những người trong cuộc, khó khăn của họ đến từ việc không được pháp luật bảo hộ (72%), do không được sự công nhận của pháp luật và cộng đồng (87%) hoặc không được sự chấp nhận của gia đình (66,2%)⁽⁴⁾ (iSEE, 2013b).

2. Thái độ xã hội với gia đình đồng giới

Trong nhóm “*các loại gia đình khác*” như gia đình đơn thân, gia đình ly hôn, tái hôn, v.v. gia đình đồng tính thường được tiếp cận không mấy thiện cảm. Theo khảo sát trực tuyến năm 2012 của Viện iSEE về thái độ xã hội với người đồng tính, đa số người tham gia nghiên cứu đều cho rằng những người đồng tính có quyền được sống lặng lẽ với nhau theo nguyện vọng tình cảm của họ. Tuy nhiên, hôn nhân đồng giới không được ai chấp nhận. Theo một khảo sát khác vào năm 2013 của Viện Xã hội học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội), Viện Chiến lược (Bộ Y tế) và Viện iSEE, mặc

dù nhận thức xã hội về người LGBT đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực hơn, đa số người dân cho rằng việc hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới không ảnh hưởng đến gia đình (72,7%) hay cá nhân (63,2%) của chính họ, tuy nhiên cũng chỉ có 33,7% người dân ủng hộ hôn nhân cùng giới.

Có thể thấy đây là loại gia đình chịu kỳ thị nhiều nhất. Sự kỳ thị không chỉ biểu hiện trong cuộc sống hàng ngày, trên phương tiện truyền thông mà cả trong nhận định của các nhà nghiên cứu. Năm 2001 trong hệ thống phân loại của một nhà xã hội học, bên cạnh gia đình khuôn mẫu truyền thống còn các loại gia đình khác, trong đó có loại “gia đình đôi trụ”. Theo tác giả, “đó là gia đình sống trái với pháp luật và trái với những nguyên tắc chung của môi trường rộng lớn hơn, mặc dù gia đình đó thường đoàn kết trong quan hệ nội bộ gia đình, có mối quan hệ tình cảm cũng giống như gia đình bình thường” (Thanh Lê, 2001:67). Tuy tác giả không nói rõ đây là loại gia đình dị tính chung sống không kết hôn hay gia đình đồng giới, nhưng với lập luận này, gia đình không theo những “nguyên tắc chung” và không được pháp luật bảo hộ bị xem là “đôi trụ”. Trong một nghiên cứu khác, gia đình đồng tính cũng bị phê phán gay gắt như là sự đua đòi lối sống “bất chước phương Tây”:

“Hiện tượng đồng tính luyến ái là một kiểu sống bất chước Phương Tây. Việt Nam chưa cho phép những người đồng tính luyến ái lấy nhau như một số nước châu Âu. Nhưng thực tế, có những cặp sống với nhau như vợ chồng thành một gia đình, cần thiết họ đi xin con về nuôi để làm bố mẹ như mọi gia đình khác. Đây là việc làm trái quy luật tự nhiên đem lại những tác hại phá hoại ý nghĩa của hôn nhân giữa trai gái – động lực thúc đẩy sự phát triển các thế hệ sau một cách lành mạnh” (Lê Thi, 2009:50).

Thực ra, hiện tượng này đã có ở Việt Nam cũng như ở các nước Phương Đông từ rất lâu trước khi tiếp xúc với văn hóa Phương Tây (Đàm Đại Chính 2005)⁽⁵⁾. Hiện tượng đồng tính luyến ái ở Việt Nam được ghi chép trong một vài tư liệu lịch sử từ thế kỷ XIV và XVI (UNDP, USAID, 2014). Việc loại bỏ gia đình đồng giới khỏi nội hàm “Gia đình” hay phản đối kết hôn đồng giới, suy đến cùng, bắt nguồn từ sự phủ định khuynh hướng tình dục đồng giới⁽⁶⁾. Đây là biểu hiện cụ thể, dễ nhận diện nhất của hệ tư tưởng Độc tôn dị tính (heterosexisme)⁽⁷⁾. Chủ nghĩa độc tôn dị tính là hệ thống những quan điểm để bảo vệ cho tính dục khác giới, bao gồm ba thành tố cơ bản. Thứ nhất là quan điểm mặc định mọi người đều là dị tính. Thứ hai là quan điểm cho rằng dị tính là ưu việt hơn, xem những gì ngoài dị tính đều thấp kém; và cuối cùng tiến tới chối bỏ, tạo sự thiên vị, phân biệt đối xử với những thiểu số tính dục khác. McGeorge và Carlson (2011) bổ sung thêm khái niệm nhằm làm rõ nguồn gốc của độc tôn dị tính, đó là giả định

chuẩn dị tính (heteronormative assumption), chuẩn dị tính mang tính thể chế (institutional heterosexism) và đặc quyền dị tính (heterosexual privilege) (McGeorge & Carlson, 2011). Giả định chuẩn dị tính là niềm tin rằng các mối quan hệ tình cảm, tình dục giữa những người khác giới là “chuẩn”. Niềm tin này được duy trì thông qua các cơ chế duy trì giá trị văn hóa (“Số cô có mẹ có cha, mẹ cô đàn bà cha cô đàn ông”, Ca dao). Chuẩn dị tính mang tính thể chế là các chính sách, qui định, chương trình của một nhà nước thúc đẩy cho lối sống dị tính, trong khi loại bỏ hoặc phân biệt đối xử với người đồng tính (ví dụ, chính sách kế hoạch hóa gia đình “Mỗi gia đình có một hoặc hai con”, hoặc sửa đổi sau này “Mỗi gia đình có đủ hai con”, hay chỉ công nhận hôn nhân giữa nam và nữ...). Đặc quyền dị tính là những đặc quyền công dân, lợi ích xã hội và các lợi thế có được một cách nghiêm nhiên, đơn thuần dựa trên nền tảng xu hướng tình dục dị tính (quyền được kết hôn chỉ dành cho người dị tính). Như vậy, niềm tin về đặc quyền dị tính ẩn sâu trong các phong tục tập quán, lễ nghi lại được bảo hộ vững chắc bằng công cụ pháp luật. Nhóm tình dục thiểu số sẽ bị tấn công không chỉ từ truyền thống văn hóa mà cả những điều luật.

Có thể khẳng định, hệ tư tưởng độc tôn dị tính chính là nền tảng cốt lõi chi phối thái độ phản đối hay do dự của xã hội đối với vấn đề hôn nhân - gia đình của những người đồng giới. Bối cảnh văn hóa xã hội của mỗi quốc gia khiến cho hệ tư tưởng này sâu đậm với những mức độ khác nhau. Ở nơi nào, đời sống tinh thần của dân chúng bị thống trị bởi Kitô giáo hay Hồi Giáo, vấn đề này bị đả phá quyết liệt hơn vì giáo lý của các tôn giáo này chống lại mọi hành vi tình dục ngoài hôn nhân và không sinh sản. Tình dục đồng tính bị coi như một tội ác. Ở nước ta, các tôn giáo có ảnh hưởng lớn như Nho giáo, Phật giáo, tuy có chung thái độ khác kỳ đối với tình dục, nhưng thường không đề cập trực tiếp đến dạng thức tình dục này. Thái độ xã hội đối với vấn đề này ở Việt Nam lại xuất phát từ một điển ngôn của hệ giá trị khác, mà vấn đề cơ bản là giá trị “văn hóa gia đình truyền thống”.

3. Một số vấn đề đặt ra từ góc nhìn gia đình cùng giới

Trong số các lý do không ủng hộ gia đình cùng giới, nhiều người nhấn mạnh đến vấn đề suy giảm dân số, đến chức năng nuôi dưỡng và xã hội hoá con cái, cũng như quan hệ đôi lứa tự nhiên của hai người cùng giới.

Trong thực tế, người đồng tính chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ dân số, và theo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, sự thừa nhận pháp luật đối với sự sống chung của họ không gây tác động nhiều đến biến động nhân khẩu. Tại Đan Mạch, nước đầu tiên chấp nhận hình thức kết hợp dân sự (civil

union) giữa các cặp đồng tính năm 1989, tuy tổng tỷ sinh giảm mạnh trong khoảng thập kỷ từ 1970-1980 nhưng sau đó tăng lại và giữ ổn định suốt từ đó đến nay. Sau hơn hai chục năm thừa nhận quyền kết đôi của người đồng tính, dân số Đan Mạch vẫn ổn định (Denmark National Statistics; iSEE, 2012). Tại Hà Lan, nước đầu tiên hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới vào năm 2001, tình hình cũng tương tự. Cũng cần nhấn mạnh, việc giảm tổng tỷ suất sinh là xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới khi nền kinh tế xã hội phát triển, và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Hơn nữa, việc hạ tỷ lệ sinh của xã hội lại xuất phát từ quan niệm mới mẻ về “giá trị của đứa con” trong chính các gia đình dị tính. Ngày trước, hạnh phúc gia đình được đo đếm trước hết từ hình ảnh “con cháu đầy đàn”, sinh sản là mục đích cơ bản - thậm chí là duy nhất - của hôn nhân. Hiện nay quan niệm này đã thay đổi. Người ta muốn sinh ít con để có điều kiện nuôi dạy tốt nhất và họ vẫn có thể cảm thấy hạnh phúc dù không con. Mặt khác, các gia đình dị tính có khó khăn về sinh sản cũng như gia đình đồng tính - nếu có nhu cầu - vẫn có thể có con nhờ sự trợ giúp của các thành tựu y học hiện đại hoặc xin con nuôi. Vì vậy, việc hợp pháp hóa hôn nhân của bộ phận thiểu số tình dục không phải là căn nguyên của điều mà một số người lo ngại.

Một mối quan tâm khác cũng được những người có quan điểm do dự đưa ra: liệu các gia đình đồng tính có đảm bảo được chức năng nuôi dưỡng và xã hội hóa con cái như các gia đình dị tính? Cũng chung điều lo ngại này, trước khi thừa nhận hôn nhân đồng giới, nhiều nước đã tiến hành nghiên cứu so sánh kết quả phát triển trẻ em trong các gia đình khác nhau. Ở Mỹ, Hội Nhi khoa Hoa Kỳ (The American Academy of Pediatrics) (2002) và Hội Y học Sinh sản Hoa Kỳ (The American Society for Reproductive Medicine) (2006) đã kết luận không có bằng chứng nào chỉ ra bất kỳ nguy cơ cho sự phát triển của trẻ khi trẻ được nuôi dưỡng trong các gia đình đồng tính (iSEE, 2012). Quan niệm coi việc giáo dục trẻ ở gia đình dị tính ưu việt hơn đã bộc lộ nhận thức: nhân cách trẻ em phụ thuộc hoàn toàn vào sự hiện diện của vai trò giới (đàn ông-bố, đàn bà-mẹ). Ở gia đình truyền thống Việt Nam, cha mẹ được coi là khuôn mẫu cơ bản cho hành vi của con cái. Thái độ “ngoan, hư” của đứa trẻ được soi chiếu từ mẫu chuẩn mực của cha mẹ (“Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư”, Ca dao). Quan niệm truyền thống ấy đã bỏ qua tính chủ thể - ngày càng được ý thức mạnh mẽ - của trẻ em ngay ở gia đình dị tính. Ngày nay, trẻ em không chỉ sống trong gia đình khép kín mà môi trường xã hội hóa chúng ngày càng mở rộng. Có nhiều tác nhân cùng tham gia vào quá trình trưởng thành của trẻ như gia đình lớn (ông bà, cô chú), họ hàng, nhà trường, bạn bè, truyền thông xã hội... Do vậy, nhân cách của

một đứa trẻ không chỉ phụ thuộc vào các thành viên của gia đình mà còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, đúng là trẻ em có bố mẹ hay người nuôi dưỡng là người đồng tính rất dễ bị xã hội kỳ thị. Việc xã hội không thừa nhận người đồng tính là “người bình thường”, là những cá nhân hoàn toàn có đủ năng lực tạo lập cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, lại chính là một nguyên nhân làm hạn chế vai trò này của họ. Nhiều nghiên cứu của quốc tế về trẻ em trong vài thập kỷ qua đã khảo sát và khẳng định khả năng tư duy, phát triển nhân cách của trẻ phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, chứ không liên quan đến việc cha mẹ chúng cùng giới hay khác giới. Nếu không tính đến những tác động kỳ thị người đồng tính từ môi trường bên ngoài thì chất lượng phát triển nhân cách của trẻ em trong gia đình đồng tính cũng không khác gì trong gia đình dị tính. Có nghiên cứu cho biết những đứa con do mẹ đồng tính sinh ra và được nuôi dưỡng trong gia đình đồng tính nữ thậm chí còn có một số năng lực vượt trội hơn trong các gia đình dị tính (Goldberg, 2010). Hay khả năng nuôi dạy con của các cặp đồng tính nam còn cho thấy ưu thế hơn các ông bố dị tính bởi vì họ có khả năng chăm sóc như một người mẹ (Hicks, 2006).

Về quan hệ đôi lứa trong gia đình đồng giới, vai trò “vợ”, “chồng” linh hoạt hơn và tính bình đẳng cao hơn vì giữa hai người ít có sự phân công lao động hay trách nhiệm theo giới, một điều thường thấy trong gia đình dị tính. Ở gia đình dị tính, người là “vợ” đương nhiên phải chăm lo cho gia đình nhiều hơn, phải nhún nhường hơn trong mối quan hệ theo đúng khuôn mẫu giới (“Chồng giận thì vợ bớt lời”, Ca dao), còn trong vai trò “chồng” anh ta có quyền dạy vợ (“Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”, Ca dao). Ở gia đình cùng giới, hai người có khả năng cùng nhau hợp tác, chia sẻ, chủ yếu theo năng lực và điều kiện của mỗi người chứ không từ góc độ “vai trò giới”. K.Balsam và cộng sự sau khi so sánh chất lượng cuộc sống lứa đôi giữa các cặp đồng tính chung sống có đăng ký với các cặp kết đôi dị tính ở Vermont (Mỹ) trong giai đoạn ba năm, đã đưa ra nhận xét: các cặp đồng tính có mối quan hệ hài hòa, gắn gũi nhau hơn và ít xảy ra xung đột (Balsam, Beauchaine, et al., 2008).

Có thể nói hôn nhân đồng giới không phải là lý do làm biến đổi những giá trị gia đình truyền thống, nhất là khi những người này chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong xã hội. Sự thay đổi hệ giá trị cấu trúc và chức năng của gia đình đang diễn ra trước hết ở gia đình dị tính. Nguyên nhân cơ bản của sự thay đổi đó nằm ở chính biến động của đời sống chính trị - kinh tế - xã hội - văn hóa chứ không liên quan đến kiểu kết hôn đồng tính hay dị tính. Trong xã hội hiện đại, chức năng quan trọng nhất mà người ta kỳ vọng khi kết hôn - lập gia đình là thiết chế ấy có khả năng thỏa mãn tình cảm lứa đôi,

- một chức năng mà không thiết chế xã hội nào có thể gánh vác được. Vì vậy, hình thức kiến tạo gia đình không phải là điều quan trọng nhất. Một gia đình dị tính tuy đầy đủ cha mẹ, con cái, nhưng không có yêu thương thì không còn là “tổ ấm” hay “thiên đường”, mà trở thành “tổ lạnh” hay “ngục tù”, thậm chí “một đầu trường”. Chính chất lượng của các mối quan hệ giữa các thành viên mới là thước đo giá trị gia đình. Trong cuộc triển lãm “Các mô hình gia đình đa dạng” được một nhóm tổ chức xã hội dân sự tổ chức tại Hà Nội nhân Ngày Gia đình Việt Nam 2013, qua hình ảnh một ngọn nến dù cong vắn cháy hết mình, một thông điệp đã được đưa ra: “Yêu thương định nghĩa gia đình”.

Mặt khác, lâu nay người ta thường quan tâm đến việc nếu thừa nhận hôn nhân - gia đình cùng giới thì sẽ có ảnh hưởng gì tới xã hội mà không đặt vấn đề ngược lại, những hệ lụy gì đã và sẽ xảy ra nếu hình thức hôn nhân - gia đình này không được thừa nhận? Sự kỳ thị và phân biệt đối xử trên cả hai khía cạnh văn hóa và pháp luật đối với nhóm người thiểu số này đã gây tác hại không chỉ tới bản thân họ mà cả tới gia đình họ. Việc gia đình thực thi bạo lực (cả tinh thần và thể xác) với con em mình khi phát hiện ra chúng là người LGBT, một phần do phụ huynh thiếu kiến thức về lĩnh vực này (nhiều người còn giữ quan niệm đồng tính luyến ái là một căn bệnh, một “biến thái”, một sự ngộ nhận hoặc chạy theo trào lưu), một phần do áp lực kỳ thị từ bên ngoài xã hội họ mong muốn con cái sống “theo lẽ thường”, một cuộc sống dị tính có sinh con đẻ cái theo kỳ vọng của mình, một cuộc sống được xã hội thừa nhận (Nguyễn Quỳnh Trang và các tác giả khác, 2010).

Vấn đề thể diện xã hội là một lý do quan trọng trong việc ngăn cản việc cha mẹ ủng hộ sự lựa chọn của con cái. Những gia đình có truyền thống gia giáo thường rất coi trọng thể diện, luôn sợ có tai tiếng trong họ hàng, bạn bè, hàng xóm láng giềng. Nhiều cha mẹ của những người LGBT sau khi giảng giải, phân tích thuyết phục con đi theo xu hướng dị tính không thành công đã sử dụng những biện pháp bắt đi chữa bệnh, ngăn cấm quyết liệt, cưỡng ép con kết hôn. Một số người có xu hướng tình dục đồng giới nhưng trước sức ép của gia đình, nên đã chấp nhận kết hôn dị tính. Mặc dù họ có thể sinh được những đứa con (hoàn thành chữ hiếu với cha mẹ) và vai trò làm bố, làm mẹ của họ được xã hội thừa nhận nhưng cuối cùng, nhiều cuộc hôn nhân khiên cưỡng, không có cảm xúc và tình yêu này bị đổ vỡ vì người ta không thể sống mãi với một cái vỏ bọc. Sự đổ vỡ này vừa mang lại tổn thương cho chính họ và người bạn đời, vừa ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ và hành vi của những đứa con khi chúng đến tuổi kết hôn. Từ thực tế này, các nhà tổ chức vận động phong trào LGBT ở nước ta đã quan tâm đặc biệt tới nhóm đối tượng phụ huynh của những người đồng

tính - song tính và chuyển giới (PFLAG). Các diễn đàn đã được tạo lập nhằm mục đích giúp các gia đình cùng hoàn cảnh chia sẻ thông tin về LGBT, thấu hiểu những gì những đứa con đang trải qua để có thể yêu thương, nâng đỡ con và tìm được sự bình yên hạnh phúc

4. Thay lời kết: quyền được gắn bó

Cuộc tranh luận về việc pháp luật có nên hoặc không nên hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới đã gây ra không ít bàn cãi trong các hội thảo, trên báo chí và các trang mạng xã hội. Bên cạnh những người ủng hộ có không ít ý kiến phản đối. Cho đến nay, hôn nhân đồng giới vẫn chưa được hợp pháp hóa. Tuy nhiên, dù ở giai đoạn “Cấm” (Luật Hôn nhân và Gia đình, 2000) đến giai đoạn tiến thêm một bước “Bỏ xử phạt kết hôn đồng giới” (Nghị định 110/2013-NĐCP) hay giữ ở mức “Không thừa nhận” (Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014) thì Việt Nam vẫn là quốc gia đầu tiên ở châu Á nơi mà Chính phủ đã đưa vấn đề hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới ra trao đổi, xem xét trong tiến trình sửa luật.

Cho đến nay, gia đình cùng giới nói riêng và gia đình của cộng đồng LGBT nói chung vẫn đang đứng trước rất nhiều thách thức, cả bên trong và bên ngoài gia đình. Mặc dù chưa được công nhận về mặt luật pháp, nhưng nhiều người cùng giới vẫn sống chung với nhau như một gia đình. Sống chung là một nhu cầu cần thiết đối với họ và hơn thế, họ luôn mong sự ủng hộ của cộng đồng và bảo vệ của pháp luật. Sống chung tất yếu sẽ nảy sinh những vấn đề về nhân thân, về quyền sở hữu tài sản, quyền thừa kế, về trách nhiệm nuôi dưỡng con cái... - những vấn đề không thể thiếu sự can thiệp của pháp luật. Mặt khác, nhìn từ góc độ quyền, xuất phát từ quyết thiết lập và phát triển các mối quan hệ với người khác được đề cập chi tiết bởi Ủy ban nhân quyền châu Âu năm 1976, giáo sư chuyên ngành luật so sánh Kees Waaldijk còn đưa ra khái niệm “quyền được gắn bó” trong pháp luật so sánh về LGBT. Đó là quyền được thiết lập các mối quan hệ cùng giới, quyền được công khai khuynh hướng tính dục và quyền đến được với nhau (Waaldijk, 2013).

Xã hội Việt Nam đã và đang biến đổi không ngừng với muôn vàn khía cạnh đa dạng của nó. Trong sự vận động ấy, những giá trị văn hóa cũng luôn biến đổi một cách tự nhiên. Trong xu thế phát triển của xã hội hiện đại, đến giai đoạn hiện nay, chúng ta đã và nên chấp nhận sự đa dạng của các kiểu loại gia đình thay cho hình ảnh nhất thể hóa về kiểu loại, về cấu trúc như gia đình truyền thống (Nguyễn Hồng Mai, 2013). Với những tư tưởng bất hủ của Tuyên ngôn Độc lập “Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng”, “Mọi người đều có quyền mưu cầu hạnh phúc”, với những

cam kết chính trị của Chính Phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế, và với tiến trình xây dựng bộ Luật cấm kỳ thị và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới đang được từng bước tiến hành, cộng đồng LGBT có quyền hy vọng vào sự bình đẳng trong hôn nhân trong một tương lai không xa. Đó là xu thế chung trên thế giới với niềm tin mạnh mẽ vào sự đa dạng, khác biệt và quyền của con người.■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài cấp Bộ: “*Xu hướng biến đổi của đặc điểm gia đình Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*” (Mã số KHXH-GD/16-19/01). Đề tài thuộc Chương trình NCKH cấp Bộ “Nghiên cứu, Đánh giá tổng thể về Gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

⁽²⁾ Tháng 4/2001, Hà Lan là quốc gia đầu tiên công nhận hôn nhân cùng giới. Năm 2015, Mỹ là quốc gia thứ 22 công nhận hôn nhân cùng giới trên toàn bộ liên bang.

⁽³⁾ Bài viết này chỉ đề cập đến gia đình của những người tự xem là cùng giới (đồng tính nam, đồng tính nữ); trong khi đó gia đình của người chuyển giới về bản chất là gia đình dị tính (về bản dạng giới cặp đôi tự xem mình là hai giới khác nhau). Vì thế bài viết sử dụng khái niệm “gia đình cùng giới” mà không phải là gia đình LGBT.

⁽⁴⁾ Theo iSEE (2013b), 57,3% cặp đôi tham gia khảo sát cho biết mối quan hệ cùng giới của họ không được cha mẹ chấp nhận; 16,8% đã từng bị gia đình và họ hàng đe dọa chấm dứt quan hệ; 51,2% cũng cho rằng không có sự ràng buộc về pháp luật cũng khiến cho mối quan hệ cùng giới khó bền vững.

⁽⁵⁾ Trong một công trình xuất bản từ năm 1940, Alfred Kinsey và cộng sự đã công bố nghiên cứu rằng xu hướng tính dục có thể được chia làm bảy loại, từ hoàn toàn dị tính tới hoàn toàn đồng tính, và song tính là điểm giữa. Nhiều tài liệu tiếp cận từ các góc độ nhân học, văn hóa, lịch sử, tôn giáo, chính trị... đều cho thấy hiện tượng “đa giới luận” (gender pluralism) khá phổ biến trên toàn cầu.

⁽⁶⁾ Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định quan hệ đồng tính hiện diện ở hầu hết các quốc gia Đông Tây, từ Ai Cập, Trung Hoa, đến Hy Lạp, La Mã, từ thời cổ đại đến thời hiện đại. Đồng tính luyến ái bắt đầu bị xem là hành động xấu xa, thậm chí gắn với tội chết, cùng với sự lớn mạnh của Đạo Cơ Đốc thời trung cổ. Và chỉ từ thời cận đại đến nay, với sự thống trị của hệ tư tưởng độc tôn dị tính, quan hệ đồng giới bị kỳ thị gay gắt và gạt ra bên lề xã hội. Hôn nhân được xem là chỉ dành cho những người dị tính. Tính dục dị tính (heterosexuality) do đó được xem là tự nhiên và bắt buộc.

⁽⁷⁾ “Chủ nghĩa độc tôn dị tính” (*heterosexism*) là khái niệm lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1971 bởi Craig Rodwell, một nhà hoạt động xã hội người Mỹ.

Tài liệu trích dẫn

- Balsam, K, Beauchaine, et al. 2008. “Three Year follow-up of same-sex couples who had civil unions in Vermont, same-sex couples not in civil unions, and heterosexual couples”. *Development Psychology* 44 (1): 102-116.
- Denmark National Statistics. <http://www.dst.dk/>
- Đàm Đại Chính. 2005. *Văn hóa tình dục và Pháp luật*. Nxb. Thế giới.
- Goldberg, A. E. 2010. *Gay and lesbian parents and their children: Research on the family life cycle*. Washington DC: American Psychological Association.
- Hicks. S. 2006. “Maternal Men-Perverts and Deviants? Making Sense of Gay Men as Foster Carers and Adopters”. *Journal of GLBT Family Studies*, 2, 93-114.
- Lê Ngọc Văn. 2011. *Gia đình và sự biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Lê Thi. 2009. *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- McGeorge, C. R., Carlson, T. S. 2011. “Deconstructing heterosexism: Becoming an LGB affirmative heterosexual couple and family therapist”. *Journal of Marital and Family Therapy*, 37(1), 14-26.
- Nguyễn Hồng Mai. 2013. “Đa dạng hoá kiểu loại gia đình - xu thế khách quan của xã hội Việt Nam đương đại”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 2, tr.18-28.
- Nguyễn Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Thu Nam, Lê Nguyễn Thu Thủy, Lê Quang Bình. 2010. *Quan hệ với cha mẹ sống trong xã hội dị tính - Nghiên cứu những người nữ yêu nữ*. Nxb. Thế giới.
- Phạm Quỳnh Phương. 2014. *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam: Tổng luận các nghiên cứu*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Thanh Lê. 2001. *Xã hội học gia đình*. Nxb. Đại học Quốc gia T.P Hồ Chí Minh.
- UNDP, USAID. 2014. *Là LGBT ở Châu Á: Báo cáo Quốc gia Việt Nam*. Bangkok.
- Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). 2013a. *Báo cáo kết quả ban đầu từ khảo sát nữ yêu nữ*. (Nguyễn Quỳnh Trang viết).
- Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). 2013b. *Mối quan hệ đồng giới*. Báo cáo nghiên cứu (Nguyễn Thị Thu Nam và Vũ Thành Long viết).
- Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). 2012. *Xu hướng và tác động xã hội của hôn nhân cùng giới*. Báo cáo nghiên cứu (Nguyễn Thu Nam viết).
- Waalwijk, Kees. 2013. *Quyền được gắn bó: một bài giảng về tầm quan trọng của khái niệm ‘hướng’ trong Pháp luật so sánh về Xu hướng tình dục*. University of Leiden, CCHIP. Nxb. Văn hoá Thông tin.